

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-PT

Ngày 09/9/2025

*“V/v tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Thái

Ông Dương Mạnh Chiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xử án số 4 - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm thụ lý số: 12/2025/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc: *“tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”*. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 04/2025/HNGĐ-ST ngày 15/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2025/QĐHNGĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1987; nơi thường trú: tổ E, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Mỹ L – Luật sư, Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ liên hệ: số B, ngõ F, đường X, phường C, thành phố Hà Nội, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990; nơi thường trú: tổ C, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* bị đơn chị Phạm Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày:

Anh Đ và chị Phạm Thị N là vợ chồng và có hai con chung là Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 27/11/2019 và Nguyễn Giáng U, sinh ngày 13/8/2021. Anh Đ và chị N đã ly hôn theo Bản án Hôn nhân và Gia đình số: 66/2024/HNGĐ-ST ngày

24/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung mức 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, sau khi ly hôn chị N nhiều lần cản trở không cho anh Đ thăm nom, chăm sóc con chung. Bản thân chị N không đủ điều kiện chăm sóc cả hai con chung. Vì vậy, anh Đ khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với con chung Nguyễn Minh Đ1; về cấp dưỡng cho con: không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Phạm Thị N trình bày:*

Chị N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Đ vì sau khi ly hôn, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con, không quan tâm chăm sóc con, không quan tâm đến bệnh tình của con chung Nguyễn Minh Đ1. Chị N có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc, dạy bảo các con. Hai con chung đều đang học tại trường mầm non H1, sức khỏe tốt. Chị N thừa nhận khi anh Đ đến thăm con, chị N chỉ cho con ra gặp, không cho anh Đ vào nhà; có lần chị N cho anh Đ đón hai con về nhà anh Đ nhưng anh Đ không quan tâm con; chỉ để con ở nhà, không cho con đi chơi nên sau đó chị N không cho anh Đ đón con nữa.

** Trong quá trình tố tụng, những người làm chứng khai:*

- Ông Vũ Đức Nghĩa L1 Tổ trưởng tổ an ninh cơ sở Khu Trới 8 cung cấp nội dung: tháng 11/2024, ông N1 được bà S (là mẹ của anh Nguyễn Minh Đ) mời đến nhà ông A - bà T (là bố mẹ của chị Phạm Thị N) ở tổ C, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Khi đến nhà ông A – bà T, anh Đ và gia đình anh Đ trình bày muốn thăm và đón các con chung của anh Đ và chị N về nhà chơi, thì chị N mới cho mọi người vào nhà, nhưng không cho anh Đ thăm và đón các con. Việc này được gia đình anh Đ lập biên bản có sự chứng kiến của ông N1. Đến khoảng thời gian trước Tết năm 2024, bà S tiếp tục mời ông N1 đến nhà ông A để gọi gia đình mở cửa cho anh Đ và gia đình anh Đ vào thăm và đón các con. Ông A ra mở cửa, nhưng chị N vẫn cản trở không cho anh Đ thăm và đón các con, thời gian anh Đ đến đón con thường vào cuối tuần.

- Bà Nguyễn Thị S và bà Phạm Thị H cùng trình bày: bà S là mẹ, còn bà H là di của anh Nguyễn Minh Đ. Sau khi anh Đ và chị N ly hôn, nhiều lần bà S và bà H cùng anh Đ đến nơi ở của chị N để thăm và đón các cháu là Nguyễn Minh Đ1 và Nguyễn Giáng U, nhưng đều bị chị N ngăn cản, không đồng ý. Sự việc có ông Vũ Đức N1 làm an ninh khu Trới 8 và ông N2 là Phó trưởng khu Trới 8 chứng kiến.

** Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ:*

- Tại Biên bản xác minh ngày 20/5/2025, ông Trần Văn L2 là Khu T và ông Phạm Văn N2 là Phó Trưởng khu Trới 8 cung cấp nội dung: ông Trần Văn L2 khai: chị Phạm Thị N và hai cháu Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Giáng U hiện nay đang ở cùng nhà bố mẹ đẻ chị N là ông Phạm Văn A - bà Phạm Thị T ở tổ C, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng tháng 11/2024, bà S liên hệ với ông L2 trình bày con trai bà là anh Nguyễn Minh Đ (chồng cũ của chị N) đến thăm và đón các con thì bị chị N cản trở, nên bà S mời ông L2 đến chứng kiến sự việc. Ông L2 đã liên hệ với ông Vũ Đức Nghĩa L1 Tổ trưởng tổ an ninh khu Trới 8 trực tiếp đến nhà chị N giải quyết. Sự việc xảy ra tại nhà ông A - bà T được lập thành biên bản

có sự chứng kiến của ông N1. Sau đó, biên bản được chuyển lại cho ông L2 ký với tư cách là Khu Trưởng; ông Phạm Văn N2 khai: khoảng tháng 9/2024, bà Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Minh Đ đến nhà trình bày sự việc bị chị Phạm Thị N cản trở không cho thăm gặp, đón các con và mời ông N2 cùng đi để chứng kiến sự việc. Tại nhà ông A, ông N2 chứng kiến chị N có lời nói và thái độ thể hiện không muốn cho gia đình anh Đ thăm và đón các con, kết quả anh Đ không đón được các con.

- Bảng lương của anh Nguyễn Minh Đ do V cung cấp thể hiện: từ tháng 7/2024 đến tháng 4/2025, anh Đ có mức lương giao động từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng.

- Sao kê giao dịch của Ngân hàng TMCP C – Phòng G thể hiện mức lương của chị N là 7.800.000 đồng/tháng.

- Tại Đơn xin xác nhận của chị Phạm Thị N có xác nhận của bà Ngô Thị O, là giáo viên chủ nhiệm của lớp 5A2 – Trường mầm non H1 với nội dung: cháu Nguyễn Minh Đ1 là học sinh lớp 5A2, hàng ngày chị N là người đưa đón cháu Đ1 và chị N là người đóng học phí cho cháu Đ1.

* Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo việc chữa bệnh cho cháu Đ1. Bản thân anh Đ cũng cố gắng nộp toàn bộ tiền cấp dưỡng nuôi các con đến tháng 7/2025; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ trình bày: anh Đ và chị N có hai con chung, nên mỗi người trực tiếp nuôi một con là phù hợp. Cháu Đ1 bị rối loạn phổ tự kỷ mức độ nhẹ, anh Đ muốn chia sẻ việc chữa trị, chăm sóc con với chị N; cháu U là con gái, còn nhỏ ở với mẹ là hợp lý. Hơn nữa, chị N đang ở chung với bố mẹ đẻ của chị N, nhà cửa không được rộng rãi, điều kiện sinh hoạt bất tiện, chị N cho hai con học trường mầm non H1 nên việc đón đưa các con đi khá xa. Anh Đ ở chung nhà với bố mẹ, nhà cửa rộng rãi, gần trường mầm non nên rất thuận tiện sinh hoạt cho cháu Đ1; chị Phạm Thị N trình bày: thời gian gần đây chị N đã cho các con về chơi, ở với anh Đ và ông bà nội. Chị không cản trở anh Đ thăm và đón các con nữa. Vì vậy, chị N đề nghị vẫn được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung.

Với nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 04/2025/HNGĐ-ST ngày 15/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Quảng Ninh, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: giao con Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 27/11/2019 cho anh Nguyễn Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Minh Đ và chị Phạm Thị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ngoài ra, còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 21/7/2025, bị đơn chị Phạm Thị N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xem xét cho chị Phạm Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Minh Đ1 và Nguyễn Giáng U.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn chị Phạm Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn chị Phạm Thị N trình bày nội dung kháng cáo và căn cứ của việc kháng cáo: do con chung Nguyễn Minh Đ1 bị tự kỷ (có hồ sơ bệnh án), chị N là người theo dõi, chăm sóc, điều trị bệnh cho con; bản thân chị N không cản trở việc thăm nom con của anh Đ, anh Đ không trực tiếp thăm nom con. Chị N từ chối là do không báo trước, mẹ anh Đ đã nhiều lần lôi kéo người làm chứng, lập biên bản không có mặt chị N (tổ trưởng dân phố ngay cạnh nhà chị N nhưng mẹ anh Đ không mời). Anh Đ và mẹ anh Đ đã có hành vi bạo lực đối với chị N (chị N đã báo công an phường). Chị N hiện nay đang làm giáo viên Trường trung học cơ sở N3, có thu nhập ổn định, có thời gian để chăm sóc các con chung (con tự kỷ); chị N đã mua hai gói bảo hiểm cho các con. Từ khi ly hôn, anh Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chỉ khi anh Đ khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con thì mới nộp tiền cấp dưỡng cho con tại cơ quan thi hành án dân sự. Chị N đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của chị N để chị N tiếp tục theo dõi, chăm sóc, điều trị bệnh cho con chung Nguyễn Minh Đ1, chị N đảm bảo việc thăm nom con của anh Đ và gia đình anh Đ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ là ông Huỳnh Mỹ L trình bày ý kiến của nguyên đơn về nội dung kháng cáo của bị đơn và đề nghị của nguyên đơn: đối với kháng cáo của chị N, anh Đ không chấp nhận. Những nội dung chị N trình bày không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ; tài liệu chứng minh anh Đ và bà S có hành vi bạo lực gia đình đối với chị N đã sử dụng khi chị N xin ly hôn anh Đ năm 2024, đã lâu rồi. Chị N có thái độ, nhiều lần cản trở, hạn chế không cho anh thăm nom, chăm sóc con chung; việc anh Đ không thực hiện cấp dưỡng là do mâu thuẫn trong việc thăm nom con nhưng hiện nay anh Đ đã cấp dưỡng đến tháng 8/2025. Hơn nữa, bản thân anh Đ và gia đình mong muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh Đ1 để chia sẻ với chị N trong việc nuôi con khi ly hôn; với điều kiện hiện nay của anh Đ và gia đình (anh Đ ở chung nhà với bố mẹ, bố mẹ đều đã nghỉ hưu còn khỏe mạnh, nhà ở rộng rãi, gần trường mầm non) đảm bảo việc nuôi dưỡng con. Anh Đ và chị N có hai con chung, mỗi người trực tiếp nuôi một con là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án sơ

thăm.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ nhất trí quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày nêu trên, không bổ sung ý kiến đối với kháng cáo của chị Phạm Thị N.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ xuất trình bổ sung 01 Biên lai thu tiền thi hành án số 0000246 ngày 09/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh (bản chính); bị đơn chị Phạm Thị N xuất trình bổ sung: 01 Quyết định số: 4821/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H (bản sao), 01 Giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế số: 008610/2022/GCT ngày 29/09/2022 của Bệnh viện Đ2 (bản sao) và 01 Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế số: 001917/2025/PCCSKBCB ngày 20/6/2025 (bản sao); Kiểm sát viên không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong giai đoạn sơ thẩm và kết quả làm rõ tại phiên tòa hôm nay, đủ căn cứ xác định: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị N. Sửa Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 04/2025/HNGĐ-ST ngày 15/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Quảng Ninh, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Nguyễn Minh Đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị N làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15 quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Minh Đ và chị Phạm Thị N đã ly hôn theo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 66/2024/HNGĐ-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1- Quảng Ninh; về con chung: giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 27/11/2019 và Nguyễn Giáng U, sinh ngày 13/8/2021, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung mức 3.000.000 đồng/tháng.

Sau khi ly hôn, chị N và các con chung sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị N; con chung Nguyễn Minh Đ1 bị chuẩn đoán bệnh rối loạn giao tiếp xã hội, tự kỷ (F84,0) và điều trị từng đợt, liên tục từ năm 2019 đến năm 2024.

Theo nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày: sau khi ly hôn, chị N nhiều lần cản trở không cho anh Đ thăm nom, chăm sóc con chung. Bản thân chị N không đủ điều kiện chăm sóc cả hai con chung. Vì vậy, anh Đ khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh Đ1, giao con chung Nguyễn Minh Đ1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai.

Theo bị đơn chị Phạm Thị N trình bày: sau khi ly hôn, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con, không quan tâm chăm sóc con, không quan tâm đến bệnh tình của con Nguyễn Minh Đ1. Chị N có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc, dạy bảo các con. Hai con đều đang học tại trường mầm non H1, sức khỏe tốt. Chị N thừa nhận khi anh Đ thăm con, chị N cho con ra gặp, nhưng không cho anh Đ vào nhà. Có lần chị N cho anh Đ đón hai con về nhà nhưng anh Đ không quan tâm con, chỉ để con ở nhà, không cho con đi chơi nên sau đó chị N không cho anh Đ đón con nữa.

Căn cứ quan điểm của anh Đ, chị N và kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ như nêu trên, có căn cứ xác định sau khi anh Đ và chị N ly hôn: anh Đ vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: ly hôn từ tháng 7/2024, anh Đ chỉ đưa tiền cấp dưỡng cho chị N được 02 lần (01 lần 03 triệu, 01 lần 02 triệu), chị N đã yêu cầu thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1-Quảng Ninh đã ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành án số: 14/QĐ-CCTHADS ngày 05/12/2024 v/v khấu trừ lương của anh Đ tại Viễn thông Q để thi hành án nhưng Viễn thông V vẫn chưa thực hiện; chị N vi phạm quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn của anh Đ theo khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: chị N nhiều lần cản trở không cho anh Đ thăm nom, chăm sóc các con.

Đối với căn cứ anh Đ đưa ra để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về việc chị N cản trở việc thăm nom con của anh Đ: anh Đ trình bày đã mời đại diện khu phố can thiệp, gia đình anh Đ đã lập biên bản có xác nhận của đại diện khu phố nơi chị N thường trú. Tuy nhiên, chưa có căn cứ xác định về việc chính quyền địa phương có lập biên bản vụ việc, có biện pháp yêu cầu chị N chấm dứt hành vi ngăn cản anh Đ thăm nom con chung và ra Quyết định xử phạt hành chính đối với chị N về hành vi ngăn cản quyền thăm nom con chung của anh Đ không.

Về việc chị N không đủ điều kiện chăm sóc cả hai con chung: anh Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh tại khu phố về việc chị N ngăn cản anh Đ thăm nom con chung, nhưng không xác minh về điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N. Căn cứ tài liệu, chứng cứ chị N xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án và tình trạng thực tế từ khi chị N và anh Đ ly hôn, thấy: chị N và các con chung sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị N; chị N có việc làm và thu nhập ổn định; con chung Nguyễn Minh Đ1 bị chuẩn đoán bệnh rối loạn giao tiếp xã hội, tự kỷ (F84,0), được

chị N đưa đi điều trị tại Bệnh viện và Trung tâm; các con chung đều đang được chị N cho đi học tại Trường mầm non H1. Về tình trạng sức khỏe của cháu Đ1: tại Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần kết luận thang đánh giá mức độ tự kỷ của cháu Đ1 có mức độ rối loạn phổ tự kỷ mức độ nhẹ đến trung bình, hiện nay cháu Đ1 sức khỏe tốt, phát triển bình thường.

Như vậy có thể thấy từ sau khi chị N và anh Đ ly hôn (tháng 7/2024), mặc dù anh Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung, chị N vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung; về độ tuổi các con chung của anh Đ và chị N là đều chưa đủ 07 tuổi; con chung Nguyễn Minh Đ1 bị tự kỷ nên cần một điều kiện, môi trường sống ổn định, sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tận tình và dành nhiều thời gian theo dõi được quá trình điều trị của con, quan tâm đến con nhiều hơn và tích cực phối hợp với bác sĩ điều trị của con để giúp quá trình điều trị có hiệu quả nhanh hơn.

Theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Đ, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Đ1 là không có căn cứ, do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị N.

Đối với mức cấp dưỡng của anh Đ đối với các con chung Nguyễn Minh Đ1 và Nguyễn Giáng U, nếu anh Đ xét thấy không còn đủ điều kiện cấp dưỡng thì anh Đ có quyền khởi kiện thay đổi mức cấp dưỡng tại Tòa án có thẩm quyền bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Tòa án chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị N, chị N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm; anh Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị N, sửa Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 04/2025/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Quảng Ninh như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 3 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[2] Về án phí: anh Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001845 ngày 28/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Quảng Ninh. Chị Phạm Thị N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, trả lại chị N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000161 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND Khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng

